

Khởi nghĩa Phan Văn Hón ở Mười tám thôn vườn trầu (1885)

DẶNG THỊ HUẾ*

Tóm tắt: Với hiệp ước Harmand (1883), hiệp ước Patenôtre (1884), Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Từ đó thực dân Pháp kết hợp với tay sai ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân. Kế tục truyền thống đấu tranh của dân tộc và địa phương, nhân dân Hóc Môn dưới sự lãnh đạo của Phan Văn Hón đã anh dũng đứng lên chống Pháp và tay sai làm nên cuộc khởi nghĩa Phan Văn Hón ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (1885). Đây là cuộc khởi nghĩa duy nhất diễn ra trên địa bàn tỉnh Gia Định nói riêng và toàn Nam Kỳ nói chung ngay sau khi thực dân Pháp hoàn thành quá trình xâm lược và áp đặt ách thống trị ở nước ta. Cuộc khởi nghĩa Phan Văn Hón có ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ. Dựa trên những nguồn tài liệu khá ít ỏi, đặc biệt là tài liệu điền dã, bài viết mong muốn trình bày một cách khách quan và có hệ thống về khởi nghĩa Phan Văn Hón.

Từ khóa: khởi nghĩa, Phan Văn Hón, Mười Tám Thôn Vườn Trầu, thực dân Pháp, Nam Kỳ.

Mở đầu

Năm 1859 thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ, với chiến lược “tầm ăn lá”⁽¹⁾, năm 1884 Nam Kỳ chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Từ đó thực dân Pháp ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân Nam Kỳ, do đó phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ liên tục diễn ra. Điểm nóng của phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ nói chung, Gia Định nói riêng là vùng Mười Tám Thôn Vườn Trầu (chủ yếu bao

gồm huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Thực dân Pháp đã sử dụng Trần Tử Ca - một tay sai tàn bạo để cai trị, áp bức bóc lột nhân dân Mười tám thôn vườn trầu, gây nhiều oán hận cho nhân dân, “hắn thuộc vào loại phong kiến, dùng những thủ đoạn mà bấy giờ giặc Pháp duy trì: vừa uống trà vừa hỏi khẩu cung, tra tấn tội nhân từng chập, tùy thích trước mắt đông đảo người”⁽²⁾. Chính vì thế, nhân dân Mười tám thôn vườn trầu đã

* Ths. Đặng Thị Huế Học viện Tài chính

đứng lên khởi nghĩa. Đây là cuộc khởi nghĩa duy nhất diễn ra trên địa bàn tỉnh Gia Định nói riêng và toàn Nam Kỳ nói chung ngay sau khi thực dân Pháp vừa hoàn thành quá trình xâm lược và áp đặt ách thống trị ở nước ta. Tuy nhiên cuộc khởi nghĩa này lại ít được các nhà nghiên cứu đề cập đến.

1. Đôi nét về Phan Văn Hớn

Phan Văn Hớn sinh vào khoảng năm 1829 tại làng giàu truyền thống đấu tranh là Tân Thới Nhứt, tổng Dương Hòa, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình. Ông sinh ra trong một gia đình Nho học và có uy tín ở địa phương. Là một nông dân văn hay võ giỏi, có nhiều mưu trí, hào phóng ngay thẳng, yêu thương con người, thường đứng ra bênh vực cho nhân dân chống lại cường hào, ác bá nên Phan Văn Hớn được nhân dân vô cùng cảm mến. Có tư liệu cho biết “Phan Văn Hớn trong thời Tự Đức, là hương thân của làng Tân Thới Nhứt”⁽³⁾. Phan Văn Hớn đã tham gia khởi nghĩa của Trương Định với chức “Quản”, chứng tỏ ông là người có uy tín tại địa phương. Sau khởi nghĩa của Trương Định, Phan Văn Hớn đã tham gia các Hội kín hoạt động yêu nước chống thực dân Pháp. Ông bị Trần Tử Ca (một tay sai làm việc cho thực dân Pháp) vu khống là có âm mưu làm loạn nên bị Trần Tử Ca bắt nộp cho Pháp và bị đi đày ở Côn Đảo 5 năm. Sau khi mãn hạn tù, Phan Văn Hớn sống tại quê nhà làng Tân Thới Nhứt nhưng phải thường xuyên trình diện chủ quận Hóc Môn là Đốc phủ Trần Tử Ca. Vì căm ghét Đốc phủ Trần Tử Ca phản dân hại nước nên Phan Văn Hớn đã cùng nhân dân nổi dậy khởi nghĩa.

2. Khởi nghĩa Phan Văn Hớn

2.1. Quá trình chuẩn bị khởi nghĩa.

Xây dựng căn cứ khởi nghĩa: Nhận thức được tầm quan trọng của căn cứ đối với cuộc khởi nghĩa nên Phan Văn Hớn đã huy động lực lượng xây dựng căn cứ Gò Mây và căn cứ Tràm Lạc.

Căn cứ Gò Mây (nay thuộc xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh) có hai bên là cánh rừng bạt ngàn, phía trước là một con đường nhỏ nối căn cứ với khu dân cư. Điều này rất thuận lợi cho việc liên lạc, tiếp tế từ người dân vào căn cứ. Phía sau có một kênh rạch dài dùng để nghĩa quân sử dụng khi có sự cố xảy ra. Những điều này cho ta thấy đây là một căn cứ thuận lợi về nhiều mặt tiếp tế, giao thông cho lực lượng khởi nghĩa.

Căn cứ Tràm Lạc (nay thuộc xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An), có bốn phía đều là những cánh rừng bạt ngàn. Cách đó khoảng 2km đến 3km có con sông chảy qua vùng căn cứ này, kế bên sông là địa bàn dân cư sinh sống. Đây là căn cứ có thể cư trú về lâu dài cho nghĩa quân cũng như để củng cố thêm lực lượng khi cần thiết.

Lực lượng nghĩa quân tham gia khởi nghĩa:

Tham gia khởi nghĩa Phan Văn Hớn có nhiều trai tráng ở vùng Mười Tám Thôn Vườn Trầu với sức khỏe tốt, phải sống cùng thiên nhiên khắc nghiệt và nhiều thú dữ nên tất cả họ đều giỏi võ nghệ. Thành phần gồm người Việt, người Hoa, người Khmer, bao gồm cả trí thức, nông dân...trong đó chủ yếu là nông dân lao động nghèo ở khắp vùng Hóc Môn, Đức Hòa. Tất cả họ đoàn kết một lòng, tự nguyện đứng lên khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của Phan Văn Hớn.

Lực lượng chính tham gia khởi nghĩa khoảng 1.000 người (trong đó Hóc Môn đã có tới 600 người), về sau số lượng ngày càng tăng do nghĩa quân đi đến đâu, dân làng đều nô nức xin gia nhập không phân biệt tôn giáo, già trẻ.

Phan Văn Hớn đã tập hợp lực lượng, liên lạc với những người yêu nước như Nguyễn Văn Quá, Phan Văn Võ, Phạm Văn Hồ, Nguyễn Văn Kế, Thầy Trang... thông qua việc lập 2 trường gà ở ngã tư An Sương và trên đường từ Bà Điểm ra Trung Chánh. Vì người Pháp và người Việt đều có thú chơi gà, "gà Bà Điểm nổi danh khắp Nam Bộ" (4).

Về trang bị vũ khí: Phần lớn là giáo, mác, cung tên, dây thừng và một ít súng đạn. Vùng Hóc Môn có nhiều tre trúc, cây tầm vông nên khi khởi nghĩa những nguyên liệu ấy đã trở thành những vũ khí khá tốt. Ngoài ra còn có mõ ống, củ khô, đặc biệt thứ nguyên liệu góp phần quan trọng vào việc đốt Dinh quận là rơm rạ và dây lạt khô.

Thống nhất lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa:

Sau thời gian tập hợp nghĩa binh, tích cực rèn sắm vũ khí, tích trữ lương thực, Phan Văn Hớn quyết định khởi nghĩa. Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa gồm Phan Văn Hớn: Tổng lãnh binh, Nguyễn Văn Quá: Chánh lãnh binh, Phạm Văn Hồ: Phó lãnh binh, Phan Văn Võ: Nội ứng, Thầy Trang: Chuẩn bị cơ binh, Nguyễn Thiên Hy, Nguyễn Văn Bường, Nguyễn Văn Kế: vận lương.

Sau đó lực lượng khởi nghĩa đã triển khai kế hoạch, tiến đánh dinh quận Hóc Môn theo 3 mặt: Cánh quân Bà Điểm

gồm lực lượng ở Vĩnh Lộc, Gò Mây, Mỹ Hạnh, Tân Thới Nhứt do Phan Công Hớn và Nguyễn Văn Quá lãnh đạo. Cánh quân Củ Chi, từ vùng Láng The do Nguyễn Văn Kế lãnh đạo. Cánh quân Bến Phên (Chợ Cầu) gồm lực lượng vùng Quán Tre, Trung Chánh, Mỹ Hòa do Phạm Văn Hồ, Thầy Trang lãnh đạo. Ngoài ra Phan Văn Võ được phân công làm nhiệm vụ đốt dinh quận, mở cổng dinh quận cho quân khởi nghĩa.

2.2. Diễn biến khởi nghĩa.

Khởi nghĩa nổ ra vào 3 giờ chiều ngày 9.2.1885 (nhằm ngày 25.12.1884), nghĩa quân chia làm nhiều cánh:

- Cánh quân tiến về Sài Gòn do Nguyễn Văn Bường chỉ huy. Cánh quân này dọc đường bị bại lộ nên Nguyễn Văn Bường bị thực dân Pháp vây bắt. Có ý kiến cho rằng trước khi cánh quân xuất phát tiến về Sài Gòn, thực dân Pháp đã nắm bắt được thông tin của cuộc tiến công do Nguyễn Văn Bường cầm đầu nên đã đề phòng trước.

- Cánh quân của Phan Văn Hớn và Nguyễn Văn Quá chỉ huy 3 mặt, tiến vào huyện lỵ Bình Long (Hóc Môn) nhằm đánh chiếm dinh quận Hóc Môn, giết vợ chồng Đốc phủ Trần Tử Ca, sau đó tiến công Sài Gòn. Cánh quân từ Mỹ Hạnh do Huỳnh Văn Tính chỉ huy tiến thẳng vào dinh Đốc phủ Trần Tử Ca. Cánh quân từ Củ Chi, Chợ Cầu kéo đến cùng đồng bào khắp Mười Tám Thôn Vườn Trầu hỗ trợ khởi nghĩa cho Phan Văn Hớn, Nguyễn Văn Quá tấn công vào tư dinh của Trần Tử Ca. Nghĩa quân đã tung hàng chục bó thuốc đốt phá, Trần Tử Ca chạy lên tầng chống cự, lực lượng nội ứng và nghĩa quân dùng rơm

và dây lạt khô có sẵn trong dinh đem chất xung quanh, Phan Văn Võ châm lửa đốt dinh quận. Vợ của Trần Tử Ca bị chết cháy, Trần Tử Ca chạy thoát ra ngoài nhưng đã bị một người nông dân bắt được, đem nộp cho nghĩa quân. Trần Tử Ca bị nghĩa quân chém đầu, cho vào lồng đèn, treo trước dinh huyện, rửa hận cho đồng bào, làm gương cho những tên tay sai bán nước khác. Nghĩa quân đã chiếm được dinh quận, lấy được Hóc Môn và làm chủ tình hình trong một thời gian. Việc tấn công dinh quận, giết được tay sai Trần Tử Ca là thắng lợi lớn của nhân dân Hóc Môn. Khi tình thế đã ổn định, nghĩa quân tập trung về Hóc Môn, củng cố lại lực lượng để chuẩn bị tiến về Sài Gòn.

- Sau đó nghĩa quân tiến thẳng về Sài Gòn. Trên đường tiến quân, nhân dân nô nức gia nhập vào hàng ngũ khởi nghĩa, lực lượng nghĩa quân ngày càng tăng lên và được chia thành 2 đoàn: Một đoàn đi thẳng vào Sài Gòn, một đoàn tiếp cận thành phố chờ lệnh cùng kết hợp khởi nghĩa.

Đoàn tiến thẳng vào Sài Gòn, khi đến Bình Hòa lúc tờ mờ sáng gặp phải một đội quân Pháp. Lại cũng có ý kiến cho rằng Pháp đã biết kế hoạch khởi nghĩa nên đề phòng cẩn thận, nghĩa quân không thể tiến đánh Sài Gòn. Quân Hớn cùng một số nghĩa quân cương quyết chống trả, “70 người cùng nhau thề đánh tới chết và họ đã giữ lời thề”⁽⁵⁾. Nhưng sự tương quan lực lượng quá lớn, sức yếu, thế cô lập, dần dần lực lượng bị tiêu hao, nghĩa quân thua trận. Các cánh quân khác tự giải tán khi nghe tin này. Phan Văn Hớn lui về căn cứ Gò Mây, Nguyễn Văn Quá lui về căn cứ Tràm Lạc.

Thực dân Pháp đã sử dụng các đơn vị

của Trung đoàn lính tập An Nam nhưng sự phản công của Pháp vẫn gặp nhiều trở ngại vì trên các ngã tư đường Sài Gòn đến Hóc Môn đều bị nghĩa quân chặn phá bằng các chướng ngại vật. Cho đến 2 tuần sau quân Pháp mới tiến về được dinh quận Hóc Môn. Quân Pháp thực hiện nhiều cuộc hành quân để vây bắt lực lượng khởi nghĩa nhưng vẫn không bắt được Phan Văn Hớn và Nguyễn Văn Quá. Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp dân chúng huyện Bình Long, hàng trăm hàng ngàn người ngã gục dưới súng đạn, lưới lê, mà Pháp gọi là phiến loạn phải diệt trừ sạch. Những ai không bị giết thì cũng bị bắt giam tra tấn tàn khốc cho tới chết.

Vì thương dân tình vô tội và họ tộc bị đàn áp bắt bớ, Phan Văn Hớn và Nguyễn Văn Quá đã tự nộp mình cho giặc Pháp. Tuy nhiên, quân Pháp vẫn tiếp tục đàn áp quyết liệt, các lãnh đạo khác lần lượt bị bắt, nghĩa quân không người chỉ huy nên dần tan rã.

Từ ngày 31/8/1885 đến 13/9/1885, Tòa án binh đại hình ở Bình Hòa mở phiên tòa xét xử vụ khởi nghĩa ở Hóc Môn. Thực dân Pháp “kết án 14 người tử hình gồm: Phan Công Hớn, Nguyễn Văn Quá, Nguyễn Văn Xiêm, Phan Văn Võ, Lâm Văn Thi, Phan Văn Thuyền, Nguyễn Văn Do, Trần Văn Lân, Nguyễn Văn Hoai, Nguyễn Văn Lanh, Huỳnh Văn Tính, Nguyễn Văn Xe, Huỳnh Văn Huân, Lê Văn Đạt”⁽⁶⁾. Ngoài ra, còn có 16 bản án 15 năm khổ sai, 6 bản án lưu đầy có điều kiện giảm án, 23 người khổ sai chung thân. Tuy nhiên, “bản án gây phẫn uất, dân địa phương cho rằng số người bị tử hình và lãnh án khổ sai quá nhiều”⁽⁷⁾, thực dân Pháp lo sợ dân sẽ nổi dậy nên ngày

11/12/1885, Tổng thống Pháp ký quyết định xử tử hai thủ lĩnh Phan Văn Hớn, Nguyễn Văn Quá vào 7 giờ ngày 30/3/1886 tại chợ Bình Long (Hóc Môn), những bản án tử hình khác được đổi thành khổ sai chung thân, các bản án còn lại vẫn giữ nguyên, riêng Nguyễn Văn Bường bị kết án khổ sai chung thân tại Côn Đảo⁽⁸⁾.

Thành quả của khởi nghĩa Phan Văn Hớn ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (1885) là chiếm được dinh quận Hóc Môn, giết chết tên chủ quận Trần Tử Ca, tiến quân vào đầu não của thực dân Pháp ở Sài Gòn. Vì tôn kính vị Tổng lãnh binh Phan Văn Hớn nên nhân dân gọi Ông là Phan Công Hớn, đổi tên trường học là trường trung học cơ sở Phan Công Hớn, đặt tên đường quốc lộ 22 là đường Phan Công Hớn.

3. Một số nhận xét

Về tính chất, mục đích cao nhất của cuộc khởi nghĩa là bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân, trừ bỏ những kẻ hại dân như địa chủ tay sai và thực dân cướp nước, vì vậy khởi nghĩa Phan Văn Hớn là một phong trào yêu nước mang tính nhân dân sâu sắc nhằm mục tiêu trước hết là bảo vệ xóm làng, bảo vệ nhân dân, sau đó là đánh đuổi giặc Pháp, tay sai góp phần giải phóng dân tộc. Bên cạnh đó, việc nghĩa quân Phan Văn Hớn sau khi đốt dinh quận, tiến vào Sài Gòn đã phản ánh tính liên tục, quyết liệt của cuộc khởi nghĩa.

Về đặc điểm, đây là cuộc khởi nghĩa duy nhất diễn ra trên địa bàn tỉnh Gia Định nói riêng và toàn Nam Kỳ nói chung ngay sau khi thực dân Pháp vừa hoàn thành quá trình xâm lược và áp đặt ách thống trị ở nước ta. Khởi nghĩa đi từ phạm vi địa phương Hóc Môn đến khu vực rộng lớn hơn

là Sài Gòn, vượt qua tính chất hạn hẹp của địa phương là một nét độc đáo của cuộc khởi nghĩa. Ngoài ra, cũng như nhiều cuộc khởi nghĩa khác, khởi nghĩa Phan Văn Hớn ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (1885) đã có sự kế thừa truyền thống vẻ vang của địa phương, đó là truyền thống đấu tranh chống áp bức bóc lột từ khi vùng đất Hóc Môn được tạo lập.

Về nguyên nhân thất bại, khởi nghĩa Phan Văn Hớn ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (1885) thất bại cũng là nguyên nhân thất bại chung của phong trào chống Pháp và tay sai ở nước ta trong những năm cuối thế kỉ XIX. Đó là sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Nguyên nhân không kém phần quan trọng nữa là tương quan lực lượng chênh lệch, các thủ đoạn đàn áp dã man của thực dân Pháp và tay sai.

Về ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa, mặc dù thất bại nhưng ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Phan Văn Hớn ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (1885) trong phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX ở Nam Kỳ là rất lớn. Bất chấp kẻ thù đàn áp sau khởi nghĩa Phan Văn Hớn, nhân dân Hóc Môn vẫn không ngừng đấu tranh đòi giảm án. Đầu thế kỉ XX, những người đã từng tham gia khởi nghĩa Phan Văn Hớn đã tiếp tục tham gia các phong trào yêu nước khác như: phong trào Đông Du (1904-1908) của Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân (1906-1908) của Phan Chu Trinh, Hội kín Phan Xích Long (1913-1916), sôi nổi nhất là phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh (1924-1929)...

Kết luận

Dưới ách áp bức bóc lột của thực dân

Pháp và tay sai, nhân dân Hóc Môn đã anh dũng đứng lên khởi nghĩa. Kết quả của cuộc khởi nghĩa Phan Văn Hớn ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (1885) đã chiếm được dinh quận Hóc Môn, giết vợ chồng Đốc phủ Trần Tử Ca, tiến về Sài Gòn. Mặc dù khởi nghĩa Phan Văn Hớn cuối cùng đã bị thực dân Pháp đàn áp và đi đến thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cùng những tấm gương anh hùng của một mảnh đất anh hùng. Cuộc khởi nghĩa là một minh chứng cho thế hệ mai sau: Muốn có độc lập tự do chỉ có một con đường duy nhất là cầm vũ khí đứng lên đánh đuổi thực dân và tay sai. Muốn có sức mạnh chiến thắng, phải đứng về phía nhân dân mới đi tới thắng lợi cuối cùng./.

CHÚ THÍCH

1. Dương Kinh Quốc (1988), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.240.
- 2.7. Sơn Nam (1981), *Bến Nghé xưa*, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, tr.124, tr.126.
- 3.6. Văn Công Chí, Võ Văn Sở (1994), *Gia phả họ Phan ở Bà Điểm-Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh*, tr.8, tr.43.
4. Sơn Nam (1990), *Người Sài Gòn*, Nxb. Trẻ, tr.63.
5. Phan Khoang (1960), *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Nhà sách Khai Trí xuất bản, tr.194.
8. Thiên Vũ, Võ Huy Quang (2001), *Khắc họa chân dung tử tù trong lịch sử đấu tranh giữ nước giai đoạn năm 1858 đến năm 1975*, tập I, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, tr.508.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Nxb. Lửa Thiêng, Sài Gòn.
2. Văn Công Chí, Võ Văn Sở (1994), *Gia phả họ Phan ở Bà Điểm - Hóc Môn - Thành phố Hồ Chí Minh*.
3. Phan Khoang (1971), *Việt Nam Pháp thuộc sử (1884-1945)*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn.
4. Phan Huy Lê (chủ biên, 2016), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Trần Huy Liệu (1960), *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Tập III, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội.
6. Sơn Nam (1981), *Bến Nghé xưa*, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
7. Sơn Nam (1990), *Người Sài Gòn*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
8. Nhiều tác giả (1991), *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Hóc Môn (1859-1975)*, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hóc Môn.
9. Nguyễn Phan Quang (1995,1998), *Việt Nam cận đại những sử liệu mới*, Tập I,II, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
10. Dương Kinh Quốc (1988), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (chủ biên, 2008), *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Phạm Văn Sơn (1971), *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm (1847-1945)*, Sài Gòn.
13. Nguyễn Đình Tư (2016), *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ (1859-1954)*, Tập I, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
14. Thiên Vũ, Võ Huy Quang (2001), *Khắc họa chân dung tử tù trong lịch sử đấu tranh giữ nước giai đoạn năm 1858 đến năm 1975*, Tập I, Nxb. Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.